

Bản án số: 19/2018/DS-ST

Ngày: 26/01/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Thật.

Ông Huỳnh Văn Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 294/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L (6 B), sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐH, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1980 (Có mặt);

Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp ĐH, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Ngày 30/10/2014 (AL) bà có tham gia một dây hụi do chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q làm chủ. Hụi loại 1.000.000 đồng, hụi khui

một tháng một lần, hội gồm có 35 hội viên, bà L tham gia một phần. Bà L là người hốt hội sau cùng với số tiền 34.000.000 đồng nhưng chị B và anh Q chỉ giao cho bà được 9.000.000 đồng. Hiện chị B, anh Q còn nợ bà số tiền hội 24.500.000 đồng sau khi trừ tiền đầu thảo là 500.000 đồng. Nay bà L yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q trả số tiền hội còn nợ lại 24.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai đề ngày 30/10/2017, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B trình bày: Vào năm 2014 chị có đứng ra tổ chức và làm chủ các dây hội, bà L có tham gia chơi một dây hội, hội loại 1.000.000 đồng/ tháng, hội khai ngày 30/10/2014 âm lịch, hội gồm có 35 hội viên, bà L là người hốt hội cuối cùng. Nay bà L yêu cầu chị trả số tiền hội còn nợ lại là 24.500.000 đồng, chị đồng ý trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Việc chơi hội giữa chị và các hội viên thì chồng chị là anh Nguyễn Minh Q không biết, anh Q chỉ biết chị có làm đầu thảo hội và khai hội tại nhà mà thôi, chị là người mở hội chị sẽ đứng ra trả nợ cho các hội viên.

* Tại bản tự khai đề ngày 30/10/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Minh Q trình bày: Vợ anh là chị Nguyễn Thị Bé B tổ chức chơi hội và làm chủ hội cho các anh em tham gia chơi hội như thế nào anh không hề biết. Anh chạy xe lô và đi làm công ty cả ngày cả đêm nên không biết hội của vợ anh. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà L buộc anh có trách nhiệm liên đới với chị Nguyễn Thị Bé B trả tiền hội cho các hội viên là không đúng. Anh không đồng ý trả và không tham gia vụ kiện.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L số tiền hội 24.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Minh Q có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Trần Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q trả số tiền nợ hụi 24.500.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị L và chị Nguyễn Thị Bé B khai thống nhất việc bà Trần Thị L có tham gia 01 dây hụi do chị Nguyễn Thị Bé B làm đầu thảo, hiện chị B còn nợ bà L số tiền 24.500.000 đồng. Nay bà Trần Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q liên đới trả số tiền hụi 24.500.000 đồng trả ngay khi án có hiệu lực. Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B đồng ý trả cho bà Trần Thị L số tiền hụi 24.500.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, còn bị đơn anh Nguyễn Minh Q không đồng ý liên đới cùng với chị Nguyễn Thị Bé B trả số tiền nợ hụi này vì anh không có tham gia góp hụi cùng với chị Bé B.

Xét, bà Trần Thị L là hụi viên từ năm 2014 có tham gia 01 dây hụi do chị Nguyễn Thị Bé B làm đầu thảo, chị Bé B thừa nhận còn nợ bà L số tiền 24.500.000 đồng như bà L yêu cầu. Do đó, bà Trần Thị L yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé B trả số tiền hụi 24.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 18, 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường.

Ngoài ra, bà Trần Thị L có yêu cầu anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ liên đới cùng với chị Nguyễn Thị Bé B trả số tiền nợ hụi tổng cộng 24.500.000 đồng, trả một lần số tiền hụi này. Anh Q không đồng ý trả số tiền nợ hụi cùng với chị Bé B do anh không có tham gia hụi cùng với vợ anh. Xét, theo lời khai của anh Q tại bản tự khai ngày 30/10/2017 anh cho rằng không tham gia góp hụi cùng với chị Bé B, nhưng theo lời trình bày của chị Bé B tại phiên tòa sơ thẩm xác định toàn bộ số tiền hụi chị sử dụng vào việc làm vốn để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, anh Q biết việc bà

L có tham gia các dây hụi của chị Bé B và hụi được khai tại nhà của anh Q và chị Bé B. Mặc dù, anh Q không trực tiếp tham gia hụi nhưng chị Bé B sử dụng số tiền hốt hụi để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, anh Q là chồng của chị Bé B đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh Q phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cùng với chị Bé B theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, buộc chị Nguyễn Thị Bé B và anh Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 24.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Chị Bé B có đơn xin giảm án phí đề ngày 30/12/2017 với lý do hoàn cảnh của chị quá khó khăn, chị là chủ hụi nhưng bị bể hụi, chị đang thiếu nợ tiền hụi của nhiều người nên không có khả năng đóng trả án phí. Xét yêu cầu xin giảm án phí của chị không phù hợp với điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không có cơ sở chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên buộc chị Bé B và anh Q có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 184, Điều 185, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 13, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

1. Buộc anh Nguyễn Minh Q và chị Nguyễn Thị Bé B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị L số tiền hụi 24.500.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Minh Q và chị Nguyễn Thị Bé B phải chịu 1.225.000 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí là 625.000 đồng theo biên lai thu tiền số 14816 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh T;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu .

Trần Kim Loan

